

UBND QUẬN LONG BIÊN  
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

Số: 39 /TCKH-NS

V/v báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 và phân loại phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2024-2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Biên, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:

- Các phòng, ban, hội, đoàn thể;
- UBND các phường;
- Đơn vị sự nghiệp thuộc Quận;

Thực hiện Văn bản số 864/STC-TCHCSN ngày 22/02/2024 về việc báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 và phân loại phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2024-2025. Để có cơ sở báo cáo Sở Tài chính Hà Nội theo quy định, phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2023 theo một số nội dung như sau:

1. Đối với cơ quan hành chính nhà nước (Các phòng, ban, hội, đoàn thể và UBND các phường): Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo **Mẫu số 06** kèm theo Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ: Tài chính - Nội vụ và tổng hợp số liệu theo **Phụ lục số 01 - CQNN** kèm theo công văn này để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo **Phụ lục số 6** kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tổng hợp số liệu theo **Phụ lục số 02a và 02b - ĐVSN** kèm theo công văn này để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính.

Các đơn vị tổng hợp, gửi báo cáo bản scan dấu đỏ về phòng Tài chính-Kế hoạch trước **16 giờ ngày 27/02/2024** theo các địa chỉ email sau:

- Khối phường: **nguyenhaiha\_longbien@hanoi.gov.vn**
- Khối trường học: **phanthimai@longbien.edu.vn**



- Khối phòng ban, cơ quan đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp khác: [hoangminhghia\\_longbien@hanoi.gov.vn](mailto:hoangminhghia_longbien@hanoi.gov.vn)

Đây là nội dung quan trọng đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: TCKH (02b).



**Trần Thanh Nam**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2023**

*(Kèm theo Công văn số 39 /TCKH-NS ngày 26 / 02 /2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch)*

STT	Nội dung	Tổng số	Cấp Huyện, xã		Cấp Thành phố
			Cấp Huyện	Cấp xã	
<b>I</b>	<b>VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI</b>				
-	Số đơn vị				
-	Số đơn vị đã thực hiện giao tự chủ				
-	Số đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ				
<b>II</b>	<b>VỀ BIÊN CHẾ</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng số biên chế được giao (người)</b>				
-	Biên chế công chức				
-	HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP				
-	HĐLĐ theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV (bảo vệ)				
-	Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)				
<b>2</b>	<b>Số biên chế có mặt (người)</b>				
-	Biên chế công chức				
-	HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP				
-	HĐLĐ theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV (bảo vệ)				
-	Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)				
<b>3</b>	<b>Số biên chế tiết kiệm được (người)</b>				
-	Biên chế công chức				
-	HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP				
-	HĐLĐ theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV (bảo vệ)				
-	Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)				
<b>4</b>	<b>Số đơn vị thực hiện tiết kiệm biên chế trên tổng số đơn vị thực hiện (đơn vị)</b>				
<b>5</b>	<b>Phân tích nguyên nhân tăng giảm (người)</b>				
<b>a</b>	<b>Đối với CBCC</b>				
-	Về hưu, nghỉ theo chế độ				
-	Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức				
-	Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ...				
<b>b</b>	<b>Đối với LĐHĐ theo Nghị định 68 và Thông tư 03</b>				
-	Về hưu, nghỉ theo chế độ				
-	Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức				
-	Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ...				
<b>c</b>	<b>Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã</b>				
-	Về hưu, nghỉ theo chế độ				
-	Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức				
-	Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ...				
<b>III</b>	<b>VỀ KINH PHÍ (Triệu đồng)</b>				

STT	Nội dung	Tổng số	Cấp Huyện, xã		Cấp Thành phố
			Cấp Huyện	Cấp xã	
1	<b>Kinh phí quản lý hành chính được giao (1=2+3)</b>				
2	<b>Kinh phí thực hiện tự chủ được giao</b>				
a	<b>Chi tổng quỹ lương, phụ cấp</b>				
-	Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp của biên chế được giao				
-	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)				
b	<b>Chi khác</b>				
	Trong đó:				
-	Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của công chức				
-	Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ				
-	Kinh phí chi khác đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã				
3	<b>Kinh phí không tự chủ</b>				
4	<b>Số kinh phí tự chủ tiết kiệm được</b>				
	Trong đó:				
-	Tiết kiệm chi quỹ lương CBCC, HĐ 68 (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)				
-	Tiết kiệm quỹ phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã				
-	Tiết kiệm các khoản chi khác đối với CBCC, HĐ 68 (ngoài quỹ lương)				
-	Tiết kiệm chi khác (ngoài quỹ phụ cấp) đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã				
5	<b>Tỷ lệ kinh phí tự chủ tiết kiệm được so với kinh phí tự chủ được giao (%)</b>				
6	<b>Số đơn vị tiết kiệm kinh phí trên tổng số đơn vị tự chủ</b>				
7	<b>Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được (triệu đồng)</b>				
a	Chi thu nhập tăng thêm				
b	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn				
c	Trích quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ VỀ THU NHẬP TĂNG THÊM</b>				
1	<b>Hệ số tăng thu nhập</b>				
-	Không chi thu nhập tăng thêm				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,1 lần đến dưới 0,2 lần				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,2 lần đến dưới 0,3 lần				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,3 lần đến dưới 0,4 lần				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,4 lần trở lên				
2	<b>Mức thu nhập tăng thêm bình quân/người/tháng (nghìn đồng)</b>				
3	<b>Mức thu nhập tăng thêm cao nhất/người/tháng (nghìn đồng)</b>				
4	<b>Mức thu nhập tăng thêm thấp nhất/người/tháng (nghìn đồng)</b>				

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

**NĂM 2023 (\*)**

(Kèm theo Công văn số 39 /TCKH-NS ngày 26/02 /2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

T T	Tên đơn vị (Chỉ tiết theo đơn vị)	1. Tổng số đơn vị SNCL	Trong đó, số đơn vị được giao tự chủ tài chính	2. Tổng số người làm việc được giao			3. Tổng số người làm việc có mặt đến 31/12/2022	Trong đó			4. Nguồn tài chính (triệu đồng)							5. Sử dụng nguồn tài chính (triệu đồng)							6. Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)					11. Vốn vay, vốn huy động (triệu đồng)																
				Biên chế viên chức lương từ NSNN	Biên chế viên chức lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Số lao động hợp đồng		Biên chế viên chức lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Số lao động hợp đồng	Ngân sách nhà nước cấp				Tổng số	Chi từ nguồn NSNN cấp					Chênh lệch thu chi thường xuyên năm (1)	Trích quỹ PTHDSN	Trích quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích quỹ khác (nếu có) (2)	7. Tỷ lệ bảo chi thường xuyên (%)	8. Tổng kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm (triệu đồng)	9. Thu nhập bình quân tăng thêm (triệu/người/năm)	10. Hệ số thu nhập tăng thêm (lần quỹ tiền lương)	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Số đi trả nợ cho các tổ chức tín dụng	Huy động của các bộ, viên chức	Số đi trả nợ cho cán bộ, viên chức														
										a) NSNN đặt hàng hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	b) NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	c) NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	d) Nguồn thu phí được để lại chi		e) Nguồn thu dịch vụ khác	f) Nguồn vay nợ, viện trợ	g) Nguồn khác	Tổng số	a) Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công														Trong đó quỹ lương	b) Chi thường xuyên giao tự chủ	Trong đó quỹ lương	c) Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	d) Chi phục vụ công tác thu phí	Trong đó quỹ lương	e) Chi hoạt động dịch vụ khác	Trong đó quỹ lương	f) Chi vay nợ, viện trợ	g) Chi khác				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46		
Tổng số																																														
A Lĩnh vực.....																																														
I Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																																														
Chi tiết đơn vị																																														
II Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																																														
Chi tiết đơn vị																																														
III Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																																														
Chi tiết đơn vị																																														
IV Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên																																														
Chi tiết đơn vị																																														

(\*) Các chi tiêu ở biểu trên theo số thực hiện năm

(1) Chênh lệch thu, chi từ nguồn NSNN cấp (không bao gồm kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ, kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên), không tính chênh lệch thu chi từ nguồn vay nợ, viện trợ

(2) Thuyết minh chi tiết Quỹ khác (nếu có): Căn cứ trích lập, mức trích lập.



**BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP  
NĂM 2024 (\*)**

Phụ lục số 02b - ĐV/SN

(Kèm theo Công văn số 39/TCKH-NS ngày 26 / 02 /2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

T T	Tên đơn vị (Chỉ tiết theo đơn vị)	1. Tổng số đơn vị SNCL	Trong đó, số lượng đơn vị được giao tự chủ tài chính	2. Tổng số người làm việc được giao			3. Tổng số người làm việc có mặt	Trong đó			4. Nguồn tài chính (triệu đồng)							5. Sử dụng nguồn tài chính (triệu đồng)							6. Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)					9. Vốn vay, vốn huy động (triệu đồng)																		
				Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN	Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Số lao động hợp đồng		Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN	Số lao động hợp đồng	Tổng số	Ngân sách nhà nước cấp			Tổng số	Chi từ nguồn NSNN cấp				Tổng số	Chi lệch thu chi thường xuyên năm (1)	Trích quỹ PTHDSN	Trích quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích quỹ khác (nếu có) (2)	7. Tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên (%)	8. Hệ số thu nhập tăng thêm (lần quỹ tiền lương)	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Số đã trả nợ các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của các bộ, viên chức	Số đã trả nợ cán bộ, viên chức																		
											a) NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	b) NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	c) NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		d) Nguồn thu phi được để lại chi	e) Nguồn thu dịch vụ khác	f) Nguồn vay nợ, viện trợ	g) Nguồn khác													a) Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Trong đó quỹ lương	b) Chi thường xuyên giao tự chủ	Trong đó quỹ lương	c) Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	d) Chi phục vụ công tác thu phí	Trong đó quỹ lương	e) Chi hoạt động dịch vụ khác	Trong đó quỹ lương	f) Chi vay nợ, viện trợ	g) Chi khác							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44						
A	Lĩnh vực.....																																															
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																																															
	Chi tiết đơn vị																																															
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																																															
	Chi tiết đơn vị																																															
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																																															
	Chi tiết đơn vị																																															
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên																																															
	Chi tiết đơn vị																																															

(\*) Các chỉ tiêu ở biểu trên theo số liệu dự kiến của năm hiện hành

(1) Chênh lệch thu, chi từ nguồn NSNN cấp (không bao gồm kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ, kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên), không tính chênh lệch thu chi từ nguồn vay nợ, viện trợ

(2) Thuyết minh chi tiết Quỹ khác (nếu có): Căn cứ trích lập, mức trích lập.

